



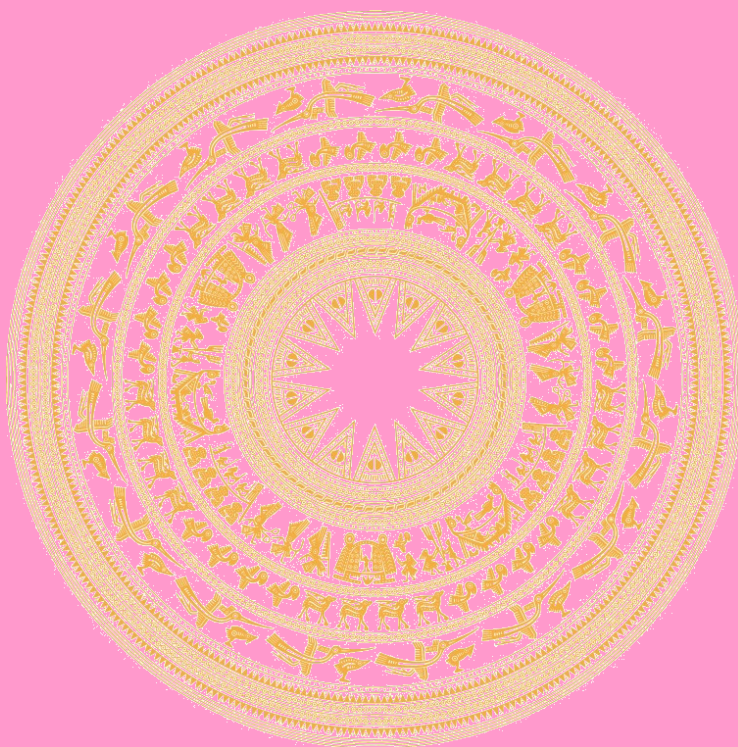
VĂN PHÒNG QUỐC HỘI

TRUNG TÂM THÔNG TIN, THƯ VIỆN VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Số 35 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tel: 080.46395. Fax: 080.46830

**-BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC-
VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU TƯ CÔNG
CHO NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN VÀ NÔNG THÔN**

(Tài liệu phục vụ các đại biểu Quốc hội – Lưu hành nội bộ)



- HÀ NỘI, THÁNG 3/2012 -

Copyright © 2010 CILRES

Bản quyền tài liệu thuộc về Trung tâm TT,TV & NCKH.

Việc sử dụng mọi thông tin trong tài liệu đều phải trích dẫn theo pháp luật về bản quyền.

Những số liệu đáng quan tâm:

- Có **49.6%** số người được hỏi nhận xét rằng về các chính sách, pháp luật liên quan đến đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân hiện nay là hợp lý. **34.6%** số người được hỏi nhận xét về các chính sách, pháp luật này là “Chưa hợp lý lắm” và **2.6%** cho rằng công tác này được thực hiện “Không hợp lý”.

- Về tính thống nhất của các văn bản pháp luật giữa Trung ương và địa phương: **57.1%** người được hỏi nhận xét tính thống nhất của các văn bản pháp luật giữa Trung ương và địa phương đã có sự “Thống nhất” và **37.7%** nhận xét vẫn còn có sự “Mâu thuẫn, chồng chéo”.

- Về tính khả thi của chính sách, pháp luật do Trung ương và địa phương ban hành: Chỉ có **23.4%** người được hỏi cho rằng Tính khả thi của chính sách, pháp luật do Trung ương và địa phương ban hành có tính “Khả thi”, có tới **71.1%** người được hỏi nhận xét ở mức độ “Tương đối khả thi” và có **3.4%** lựa chọn phương án “Không khả thi”.

- Về việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân: Chỉ có **33%** người được hỏi nhận xét về việc thực hiện của công tác này là tốt, có tới **61.9%** người được hỏi lựa chọn phương án Chưa tốt lắm và cũng có **4.1%** cho rằng công tác trên được thực hiện không tốt.

- Việc lập và thẩm định quy hoạch, kế hoạch dự án đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân: Có **30.1%** số người được hỏi cho việc lập và thẩm định quy hoạch, kế hoạch dự án đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân hợp lý và có tới **60.6%** cho rằng công tác này vẫn chưa hợp lý lắm và chỉ có **5.5%** cho rằng không hợp lý.

- Việc huy động vốn đầu tư công: Có **24.1%** số người được hỏi nhận xét việc huy động vốn cho các dự án đầu tư công hiện nay được thực hiện hiệu quả, **65.5%** người được hỏi cho rằng công tác này vẫn chưa được hiệu quả lắm và cũng có tới **5.9%** người được hỏi nhận xét là không hiệu quả.

- Về thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực đầu tư: Có **24.8%** người được hỏi cho rằng các thủ tục hành chính cho việc thực hiện chính sách,

pháp luật về đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân là đơn giản, hiệu quả và có tới 68.5% người cho rằng thủ tục hành chính *liên quan đến lĩnh vực đầu tư công* hiện nay vẫn rườm rà, phức tạp.

- **Về việc phân bổ, bố trí vốn đầu tư cho các hạng mục cụ thể:** 27.8% người được hỏi cho rằng công tác này hiện nay là hợp lý. Tuy nhiên, cũng có tới 59.1% người được hỏi lại cho rằng công tác này chưa được hợp lý lắm và có 6.9% cho rằng không hợp lý.

- **Về việc giám sát thực hiện đầu tư công:**

- *Cơ quan dân cử:* Có 24.1% người được hỏi cho biết việc giám sát thực hiện đầu tư công của các cơ quan dân cử được thực hiện tốt, trong khi đó có 57.6% người được hỏi lại nhận xét cho rằng công việc này chưa tốt lắm và cũng có tới 13.4% người được hỏi cho rằng công tác giám sát thực hiện đầu tư công của các cơ quan dân cử được thực hiện không tốt.

- *Sự tham gia của người dân vào trong quá trình thực hiện dự án đầu tư:* có 22.6% người được hỏi cho rằng hiệu quả, 55.7% cho rằng sự tham gia này ở mức độ tương đối hiệu quả và cũng có tới 17.4% người được hỏi cho rằng công tác này không hiệu quả.

- **Công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan chức năng:** có 33.9% người được hỏi cho rằng công tác này được thực hiện tốt, tuy nhiên, cũng có tới 51.2% người được hỏi nhận xét về công tác này chưa tốt lắm và 8.3% người được hỏi lựa chọn phương án không tốt.

- **Xử lý vi phạm liên quan đến đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân:** 32.5% người được hỏi cho rằng được xử lý nghiêm túc, công khai, 49.3% người được hỏi cho rằng việc xử lý vi phạm chưa nghiêm túc lắm và cũng có tới 13.4% cho rằng việc xử lý vi phạm này không nghiêm.

- **Các hạng mục công trình được đánh giá được thực hiện đúng và vượt tiến độ nhiều nhất** đó là: Trụ sở làm việc của các cơ quan chính quyền địa phương được thực hiện đúng và vượt tiến độ nhiều nhất với 66.4% người được hỏi lựa chọn; Thứ hai đó là, việc xây dựng trường học các cấp (61.0%); Tiếp đến đó là: việc xây dựng trạm y tế xã (58.7%); (iv)Bưu điện văn hóa (57%).

- **Các hạng mục công trình được đánh giá là chậm tiến độ nhiều nhất** đó là: Đường giao thông nông thôn được cho là chậm tiến độ nhất với 67.1% người được hỏi lựa chọn; Thứ hai đó là Cơ sở vật chất về hoạt động văn hoá - thể thao (66.3%); Tiếp đến đó là: việc xây dựng Chợ nông thôn (63.1%).

- **Hiệu quả của các chính sách hỗ trợ đầu tư của Nhà nước cho phát triển nông nghiệp, nông thôn chưa được đánh giá cao.** Lĩnh vực được đánh giá hiệu quả cao nhất là Công tác phòng, chống dịch bệnh cho vật nuôi, cây trồng cũng chỉ có **42.2%** số người được hỏi đánh giá ở mức hiệu quả; hoặc là hỗ trợ, đầu tư về giống cây trồng (Lúa, Hoa màu, Cây công nghiệp...) cũng chỉ có **41.5%** số người được hỏi đánh giá hiệu quả.

- **Các chính sách, chương trình hỗ trợ được người dân hài lòng nhất** đó là: Miễn, giảm học phí cho con em hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số (**71.5%** số người được hỏi Hài lòng); tiếp đến là Hỗ trợ đối tượng chính sách, người có công, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (**70.6%**); Cho vay và hỗ trợ làm nhà ở cho người nghèo (**60.7%**) và Thực hiện hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho vay hộ nghèo (**59.1%**).

Các chính sách, chương trình hỗ trợ ít được người dân hài lòng hơn là: Hỗ trợ tổ chức đào tạo nghề cho lao động (**33.7%**); Hỗ trợ, cho vay xuất khẩu lao động (**34.7%**) và Hỗ trợ khám, chữa bệnh và cấp thẻ bảo hiểm y tế (**48.4%**).

MỤC LỤC

<i>Những số liệu đáng quan tâm:</i>	4
<i>PHẦN I: GIỚI THIỆU</i>	9
I. ĐẶT VẤN ĐỀ.....	9
II. MỤC ĐÍCH ĐIỀU TRA.....	10
III. NỘI DUNG ĐIỀU TRA.....	10
IV. PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA.....	10
V. ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA.....	11
VI. KHUNG MẪU VÀ ĐỊA ĐIỂM ĐIỀU TRA:	11
Bảng 1. Các địa bàn điều tra.....	11
VII. QUY TRÌNH VÀ KỸ THUẬT ĐIỀU TRA.....	12
2. Điều tra thử nghiệm.....	12
3. Điều tra chính thức.....	12
4. Làm sạch, kiểm tra, mã hóa, nhập số liệu.....	13
5. Xử lý và phân tích số liệu.....	13
<i>PHẦN II. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA</i>	14
I. THÔNG TIN CHUNG.....	14
1. Nhận xét chung về các chính sách, pháp luật liên quan đến đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân:.....	14
2. Về một số nội dung cụ thể liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân:.....	15
2.1. Tính thống nhất của các văn bản pháp luật giữa Trung ương và địa phương:	15
2.2. Tính khả thi của chính sách, pháp luật do Trung ương và địa phương ban hành:.....	16
2.3. Việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật	16
2.4. Việc lập và thẩm định quy hoạch, kế hoạch dự án đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân.....	17
2.5. Việc huy động vốn đầu tư công:	17
2.6. Thủ tục hành chính:.....	18
2.7. Phân bổ, bố trí vốn đầu tư cho các hạng mục cụ thể:	19
2.8. Về giám sát thực hiện đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân:.....	19
2.9. Công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan chức năng:	20
2.10. Xử lý vi phạm liên quan đến đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân:	21
3. Kết quả thực hiện đầu tư công trên các lĩnh vực:.....	21
3.1. Tính công khai minh bạch trong việc thực hiện đầu tư công:.....	21
3.2. Về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội nông nghiệp, nông thôn:.....	23
3.3. Về đầu tư cho phát triển sản xuất nông nghiệp:.....	26

3.4. Về chính sách, chương trình đầu tư bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo; thực hiện các chính sách xã hội:.....	27
4. Một số kết luận:.....	29

PHẦN I: GIỚI THIỆU

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghị quyết số 26-NQ-TW, ngày 5-8-2008, Hội nghị Trung ương 7, khóa X, về nông nghiệp, nông dân và nông thôn xác định quan điểm: Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước. Thực hiện Nghị quyết đó, ngày 28-10-2008, Chính phủ đã ra Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ban hành “Chương trình hành động của Chính phủ”, trong đó nêu mục tiêu: Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đạt mức tăng trưởng 3,5 – 4%/năm; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài và hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn; xây dựng nông thôn mới bền vững theo hướng văn minh, giàu đẹp, bảo vệ môi trường sinh thái, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; đảm bảo điều kiện học tập, chữa bệnh, sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao ở hầu hết các vùng nông thôn gần với các đô thị trung bình....

Tuy vậy, thực tế hiện nay cho thấy mức đầu tư vào nông nghiệp thời gian qua không tương xứng với vai trò của nó đối với phát triển kinh tế. Các thống kê cho thấy, những năm 2000, tổng vốn đầu tư cho nông nghiệp chiếm khoảng 13,8% GDP; sau đó giảm còn 7,5% năm 2005 và còn 6,45% vào 2008, rồi 6,26% năm 2010¹. Cũng theo thống kê của ngành chức năng, có khoảng 70% dân số sống ở khu vực nông thôn chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, vốn đầu tư công cho khu vực này lại giảm dần và việc thu hút đầu tư cho sản xuất nông nghiệp còn gặp rất nhiều khó khăn....

Chính vì vậy, việc đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn là cũng chính là chủ đề được các đại biểu Quốc hội đề cập nhiều nhất trong phiên thảo luận đầu tiên tại Hội trường về bức tranh kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2011 và 5 năm tiếp theo tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XIII. Nội dung này một lần nữa đã được Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng khẳng định tại phiên chất vấn trước Quốc hội ngày 25/11/2011 vừa qua. Theo Thủ tướng, để sản xuất nông nghiệp phát triển toàn

¹ Diễn đàn Hợp tác kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long (<http://www.mdec.vn>, ngày 30 tháng 5 năm 2011)

diện, có năng suất, chất lượng cao, có sức cạnh tranh trên thương trường quốc tế, góp phần cải thiện đời sống cho nhân dân thì mức đầu tư giai đoạn 2011-2015 cần phải tăng gấp đôi 5 năm trước. Đến năm 2016-2020, sẽ phải tiếp tục tăng gấp đôi giai đoạn trước đó. Đây là một quyết tâm rất lớn của Chính phủ, liên quan đến cả trách nhiệm và thẩm quyền của Quốc hội khi quyết định phân bổ ngân sách cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

Do vậy, Quốc hội đã quyết định Chương trình hoạt động giám sát năm 2012 sẽ tập trung giám sát nội dung liên quan đến việc thực hiện chính sách pháp luật về đầu tư công cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Để kịp thời cung cấp các thông tin độc lập, khách quan và mang tính định lượng về việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư công cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn phục vụ các đại biểu Quốc hội, Trung tâm Thông tin, Thư viện và Nghiên cứu khoa học tổ chức nghiên cứu xã hội học về: ***"Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư công cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn"*** với mục đích làm tài liệu tham khảo cho đại biểu Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội trong quá trình giám sát.

II. MỤC ĐÍCH ĐIỀU TRA

Tìm hiểu ý kiến người dân về thực trạng việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư công cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn, qua đó đề xuất các giải pháp kiến nghị làm tài liệu tham khảo phục vụ đại biểu Quốc hội, các cơ quan liên quan của Quốc hội trong quá trình giám sát.

III. NỘI DUNG ĐIỀU TRA

1. Đánh giá về tính công khai minh bạch trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư công cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn;

2. Nhận xét về mức độ đáp ứng của cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn: Hệ thống giao thông nông thôn (cầu, đường,) cơ sở y tế, giáo dục, thủy lợi, điện nông thôn,...;

3. Mức độ đáp ứng của đầu tư công cho yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, bảo vệ thực vật,);

4. Mức độ hài lòng với các chính sách, chương trình hỗ trợ bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo.

IV. PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu

Nhóm nghiên cứu tập trung sưu tầm, tổng hợp các tài liệu có liên quan, đặc biệt là các nội dung, vấn đề cần điều tra, giúp cho quá trình thiết kế nội

dung, mẫu phiếu, khung mẫu và xây dựng báo cáo điều tra cũng như đưa ra các kiến nghị chính xác hơn, phục vụ thiết thực cho các mục tiêu, nội dung điều tra.

2. Điều tra bằng bảng hỏi.

Điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp chủ yếu cho cuộc điều tra này. Việc thiết kế bảng hỏi điều tra được dựa trên các nội dung điều tra. Mỗi nội dung điều tra sẽ được thiết kế thành các nhóm câu hỏi phù hợp nhằm tìm hiểu ý kiến của người được hỏi cũng như phương thức giải quyết và tìm lời giải cho các nội dung đó như thế nào phục vụ cho các kiến nghị sau này.

3. Phương pháp thông kê, phân tích số liệu và so sánh.

Được sử dụng chủ yếu ở giai đoạn xử lý số liệu điều tra và viết báo cáo kết của điều tra.

V. ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA

Do mục đích của cuộc điều tra là đánh giá thực trạng việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư công cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn thời gian qua cũng nên đối tượng của cuộc điều tra tập trung vào các nhóm như:

1. Cán bộ, công chức là việc tại Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn và Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn các tỉnh chọn điểm;
2. Nông dân sống tại các địa phương chọn điểm.

VI. KHUNG MẪU VÀ ĐỊA ĐIỂM ĐIỀU TRA:

1. **Khung mẫu điều tra:** 1.000 người, theo nhóm đối tượng đã chọn ở phần trên.

2. **Địa điểm:** Để đảm bảo kết quả điều tra phản ánh được đầy đủ xu hướng của các ý kiến người dân, các địa phương tiến hành điều tra sẽ được lựa chọn trên cơ sở đảm bảo đại diện cho các ngành nghề khác nhau.

3. **Chọn mẫu:** Theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng nhiều giai đoạn.

4. **Địa điểm điều tra:** Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và 5 tỉnh, thành phố đại diện cho các vùng, miền trong cả nước. Cụ thể:

Bảng 1. Các địa bàn điều tra

<i>TT</i>	<i>Tỉnh, thành phố</i>	<i>Số phiếu</i>
1.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	50
2.	Thái Bình	190
3.	Hòa Bình	190
4.	Thừa Thiên Huế	190

5.	Tiền Giang	190
6.	Bà Rịa – Vũng Tàu	190

VII. QUY TRÌNH VÀ KỸ THUẬT ĐIỀU TRA

1. Thiết kế bảng hỏi

Quy trình thiết kế bảng hỏi gồm các bước: xác định mục đích nghiên cứu, các nội dung cụ thể cần nghiên cứu và thiết kế câu hỏi theo từng nội dung đó. Việc kiểm tra độ hiệu lực của từng câu hỏi được thực hiện dựa trên đối chiếu với mục tiêu cần đo lường của cuộc điều tra. Bảng hỏi (*dự thảo*) được gửi xin ý kiến các nhà chuyên môn, các chuyên gia (đặc biệt là các chuyên gia của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội – các đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát chuyên đề) trước khi điều tra thử nghiệm.

Bảng hỏi sau khi được điều tra thử nghiệm đã được nhóm nghiên cứu tổng hợp và hoàn thiện, sau đó được xin ý kiến lãnh đạo Văn phòng Quốc hội trước khi triển khai chính thức tại các địa bàn điều tra.

Việc xây dựng bảng hỏi tuân theo các nguyên tắc như: Bảo đảm sử dụng từ ngữ phổ thông, dễ hiểu, dễ tiếp cận. Các câu hỏi được thiết kế rõ ràng và dễ hiểu để người được hỏi trả lời; Các câu hỏi được sắp xếp đảm bảo theo trình tự lô gíc; Sử dụng kết hợp nhiều hình thức câu hỏi khác nhau; Sử dụng một số câu hỏi để kiểm tra tính tin cậy của các câu trả lời...

2. Điều tra thử nghiệm

Bảng hỏi được làm thử trên 50 người, đại diện cho các đối tượng sẽ điều tra chính thức. Mục đích của điều tra thử là để phát hiện những sai sót của bảng hỏi. Dựa trên những ý kiến góp ý của người được phỏng vấn, bảng hỏi được chỉnh sửa, sau đó xin ý kiến chuyên gia và lãnh đạo Văn phòng trước khi triển khai chính thức.

3. Điều tra chính thức

Nhóm thực hiện điều tra đã tiến hành đồng thời tại 5 tỉnh. Trong quá trình điều tra đã phối hợp với mạng lưới cán bộ cơ sở để tiếp cận được các đối tượng trong mẫu điều tra. Một số cán bộ địa phương sẽ được huy động tham gia vào quá trình này như tổ chức, liên hệ, dẫn đường.

Trước khi đến các địa phương để tiến hành điều tra, các nhóm thực hiện điều tra liên hệ trước với chính quyền địa phương để phối hợp thực hiện thông qua công văn chính thức của Văn phòng Quốc hội.

Trong quá trình thực hiện điều tra, trường hợp cần thiết, các điều tra viên sẽ giải thích thêm để làm rõ hơn về nội dung cũng như cách thức trả lời các câu hỏi trong bảng hỏi.

4. Làm sạch, kiểm tra, mã hóa, nhập số liệu

Trong quá trình làm sạch, kiểm tra, mã hóa, nhập số liệu, các cán bộ của Trung tâm sẽ phối hợp với các cộng tác viên của Viện Xã hội học - Viện khoa học xã hội Việt Nam; Khoa Xã hội học - Trường Đại học Công đoàn Hà Nội để kiểm tra các bảng hỏi, tìm và phát hiện các sai sót như: bỏ trống, trả lời có mâu thuẫn, trả lời không đúng quy định để hiệu chỉnh, những bảng hỏi không đáp ứng được yêu cầu của cuộc điều tra sẽ bị loại bỏ trước khi nhập số liệu.

Các câu hỏi được mã hóa và nhập vào máy tính trên phần mềm thống kê SPSS17.0.

Quá trình nhập số liệu được kiểm tra chặt chẽ. Các bảng tần xuất và bảng chéo được thiết lập để kiểm tra tính chính xác của số liệu cũng như phục vụ cho quá trình phân tích tiếp theo.

5. Xử lý và phân tích số liệu.

Số liệu được xử lý sau khi đã kiểm tra đầy đủ và thống nhất trong khâu nhập dữ liệu. Số liệu được phân tích theo bảng tần xuất (tính %), lập bảng chéo để xác định các mối tương quan hoặc so sánh mức độ khác biệt giữa các nhóm. Một bảng tần xuất được thiết lập cho mỗi câu hỏi bao gồm những thông tin về số tuyệt đối những người trả lời và tỷ lệ phần trăm tương ứng, số người trả lời và tỷ lệ phần trăm tương ứng ở từng thang đo trong bảng hỏi.

6. Viết báo cáo kết quả điều tra.

Báo cáo được viết dựa trên số liệu của bảng tần xuất, bảng chéo kết hợp với việc phân tích, tổng hợp các tài liệu có liên quan đến việc đầu tư công cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Mỗi nội dung trong phiếu điều tra được báo cáo mô tả và dẫn chiếu bằng số liệu về tỷ lệ % tuyệt đối, đồng thời có sự so sánh sự khác biệt giữa các nhóm đối tượng nhằm tìm kiếm sự khác biệt về nhận thức, về ý kiến trả lời giữa các nhóm đối tượng từ đó đưa ra những nhận định làm cơ sở cho các kiến nghị sau này.

PHẦN II. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

I. THÔNG TIN CHUNG

Bảng 2. Bảng thông tin chung

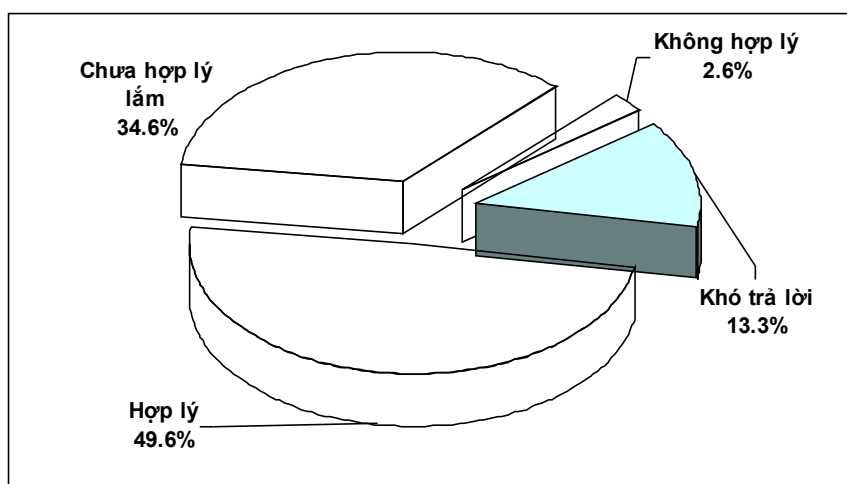
I.1. Nhóm tuổi:	Tỷ lệ %
< 30 tuổi	14.0%
30 - 40 tuổi	24.2%
41 - 50 tuổi	28.1%
51 - 60 tuổi	28.1%
> 60 tuổi	5.7%
I.2. Giới tính:	
Nam	63.8 %
Nữ	36.2 %
I.3. Nghề nghiệp:	
Cán bộ, công chức	30.4%
Nông dân	69.6%

II. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

1. Nhận xét chung về các chính sách, pháp luật liên quan đến đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân:

Kết quả điều tra cho thấy (*Biểu đồ 1*), có **49.6%** số người được hỏi nhận xét các chính sách, pháp luật liên quan đến đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân hiện nay là hợp lý. Tuy nhiên, kết quả điều tra cũng cho thấy vẫn còn tới **34.6%** số người được hỏi nhận xét về các chính sách, pháp luật liên quan đến lĩnh vực này là “*Chưa hợp lý lắm*” và **2.6%** số người được hỏi nhận xét ở mức “*Không hợp lý*”.

Biểu đồ 1: Nhận xét chung về các chính sách, pháp luật liên quan đến đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân (Tỷ lệ %)



Sự khác biệt về nhóm đối tượng:

Có 2 nhóm đối tượng cụ thể được so sánh tại cuộc điều tra này đó là: Nhóm cán bộ, công chức và Nhóm cư dân nông thôn. Kết quả điều tra cho thấy, tỷ lệ những **người dân nông thôn (51.9%)** được hỏi nhận xét rằng các chính sách, pháp luật liên quan đến đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân hiện nay là *hợp lý* cao hơn nhóm **cán bộ, công chức (44.2%)**.

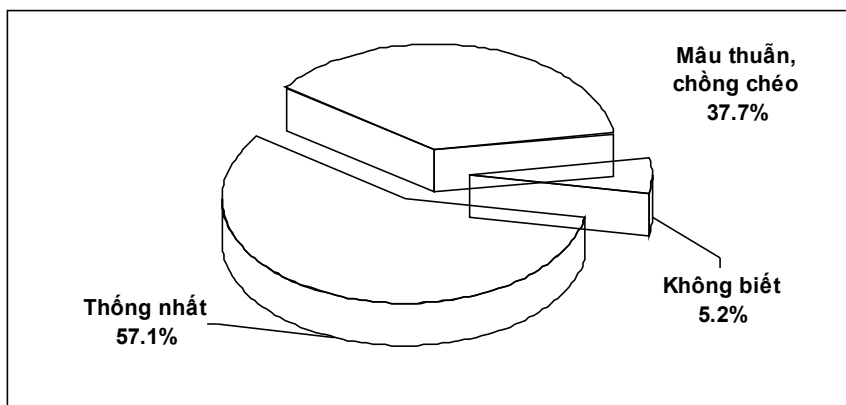
2. Về một số nội dung cụ thể liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân:

Nhìn chung, mức độ hài lòng về các nội dung liên quan đến chính sách, pháp luật về đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân chưa cao. Cụ thể như sau:

2.1. Tính thống nhất của các văn bản pháp luật giữa Trung ương và địa phương:

Kết quả điều tra cho thấy (*Biểu đồ 2*), có **57.1%** người được hỏi nhận xét các văn bản pháp luật giữa Trung ương và địa phương ban hành về lĩnh vực đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân có tính *thống nhất* và **37.7%** số người được hỏi cho rằng vẫn còn có sự “*Mâu thuẫn, chồng chéo*” giữa các văn bản này.

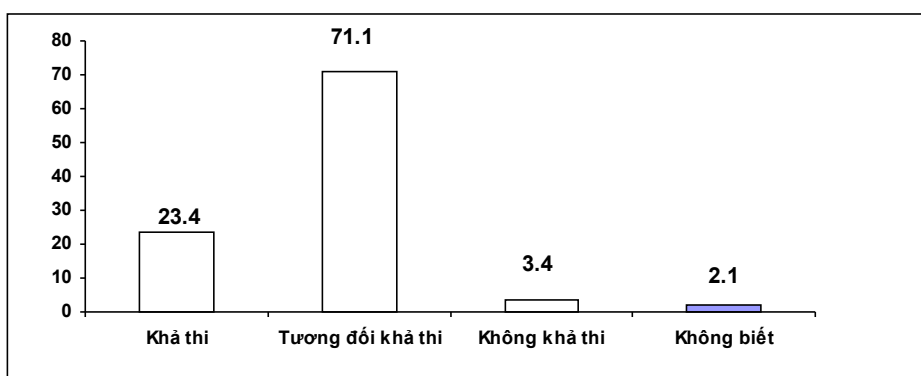
Biểu đồ 2: Nhận xét về tính thống nhất của các văn bản pháp luật giữa Trung ương và địa phương (Tỷ lệ %).



2.2. Tính khả thi của chính sách, pháp luật do Trung ương và địa phương ban hành:

Biểu đồ 3 cho thấy, có **23.4%** người được hỏi cho rằng chính sách, pháp luật do Trung ương và địa phương ban hành có tính “*Khả thi*”, trong khi, có tới **71.1%** số người được hỏi nhận xét ở mức độ “*Tương đối khả thi*” và có **3.4%** cho rằng các chính sách, pháp luật này là “*Không khả thi*”.

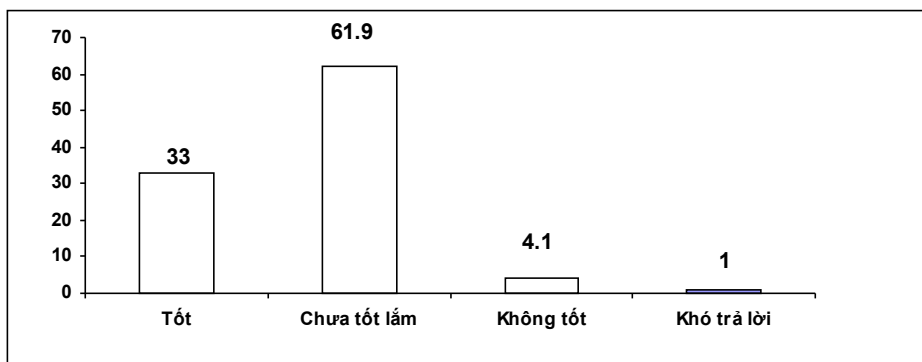
Biểu đồ 3: Nhận xét về tính khả thi của chính sách, pháp luật do Trung ương và địa phương ban hành (Tỷ lệ %)



2.3. Việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật

Về việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân (*Biểu đồ 4*): Có **33%** số người được hỏi đánh giá công tác này được thực hiện *tốt*, trong khi có tới **61.9%** số người được hỏi lựa chọn phương án *chưa tốt lắm* và **4.1%** cho rằng công tác trên được thực hiện *không tốt*.

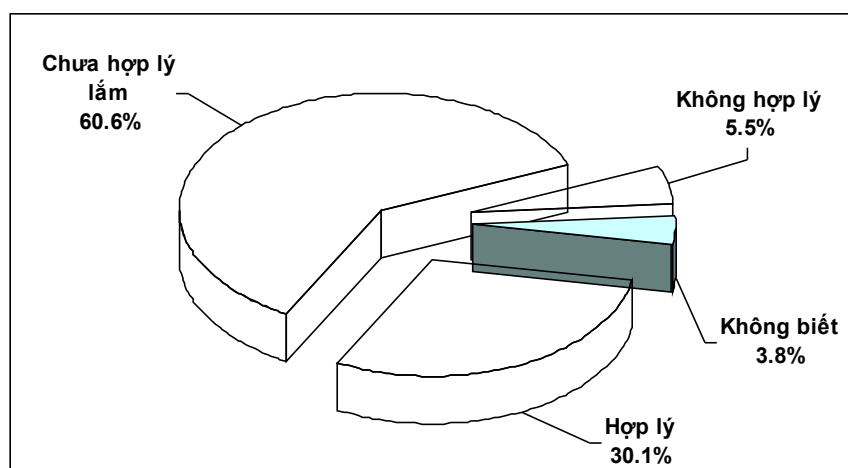
Biểu đồ 4: Nhận xét về việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân (Tỷ lệ %)



2.4. Việc lập và thẩm định quy hoạch, kế hoạch dự án đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân

Theo kết quả điều tra cho thấy (Biểu đồ 5), có **30.1%** số người được hỏi cho rằng việc lập và thẩm định quy hoạch, kế hoạch dự án đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân là *hợp lý*, trong khi có tới **60.6%** cho rằng công tác này *chưa hợp lý lắm* và **5.5%** số người nhận xét *không hợp lý*.

Biểu đồ 5: Nhận xét về việc lập và thẩm định quy hoạch, kế hoạch dự án đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân (Tỉ lệ %)



2.5. Việc huy động vốn đầu tư công:

Có **24.1%** số người được hỏi nhận xét việc huy động vốn cho các dự án đầu tư công hiện nay được thực hiện *hiệu quả*, **65.5%** số người được hỏi cho rằng công tác này vẫn *chưa được hiệu quả lắm* và **5.9%** số người được hỏi nhận xét là *không hiệu quả*.

Khi được hỏi về nguồn vốn đầu tư các công trình, dự án hạ tầng cơ sở phục vụ cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân nên huy động theo hình thức nào là hợp lý. Kết quả điều tra cho thấy (Bảng 3), hợp lý nhất vẫn là sử dụng vốn ngân sách Nhà nước (chiếm tỷ lệ 100%) . Tuy nhiên, cũng có một số hạng mục, dự án khác như: *Đường giao thông; Thủy lợi* những người được hỏi cho rằng nên kết hợp cả nguồn vốn từ Nhà nước và vốn do người dân đóng góp. Các hạ tầng khác như: *Lưới điện nông thôn; Chợ; Bưu điện; Nước sạch*, nên huy động vốn từ Doanh nghiệp.

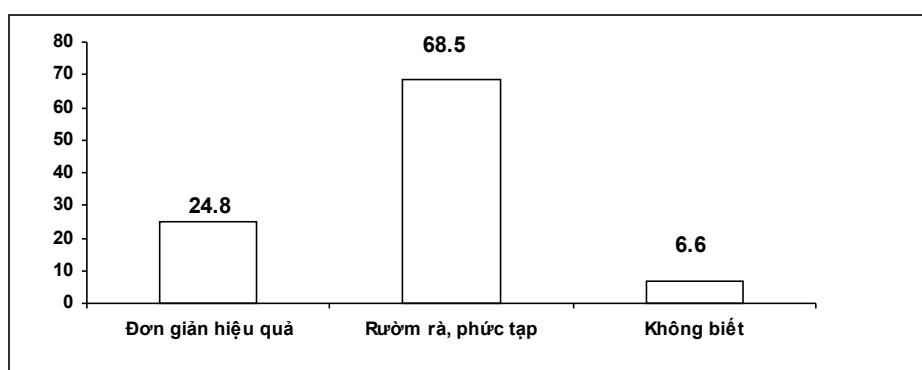
Bảng 3: Ý kiến về nguồn vốn đầu tư các công trình, dự án hạ tầng cơ sở phục vụ cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân nên huy động theo hình thức hợp lý (Tỷ lệ %)

Lĩnh vực	100% vốn Nhà nước	100% của Dân đóng góp	1 phần từ Nhà nước + 1 phần do dân đóng góp	Doanh nghiệp	Nguồn khác
1. Thủy lợi	57.9	1.4	38.6	1.4	0.8
2. Đường giao thông	47.9	2.2	47.7	1.8	1.1
3. Lưới điện nông thôn	67.4	2.0	19.0	10.9	0.8
4. Trường học các cấp	78.7	1.6	18.0	0.9	0.8
5. Cơ sở vật chất về hoạt động văn hoá - thể thao	58.7	3.2	31.8	5.6	0.8
6. Chợ	59.5	3.5	21.2	15.3	0.6
7. Trụ sở làm việc của các cơ quan chính quyền địa phương	89.5	1.6	7.3	1.6	0
8. Nước sạch	49.4	2.7	38.2	8.7	1.0
9. Bưu điện	80.3	1.3	5.6	12.6	0.2

2.6. Thủ tục hành chính:

Việc đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính đã và đang được Chính phủ thực hiện một cách quyết liệt. Tuy nhiên, theo kết quả điều tra (Biểu đồ 6) thì các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực đầu tư công vẫn là vấn đề cần được các nhà quản lý, chính quyền địa phương quan tâm hơn nữa. Kết quả điều tra cho thấy: có **24.8%** số người được hỏi cho rằng các thủ tục hành chính trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân là *đơn giản, hiệu quả*. Trong khi đó có tới **68.5%** số người được hỏi cho rằng thủ tục hành chính hiện nay vẫn còn *rườm rà, phức tạp*.

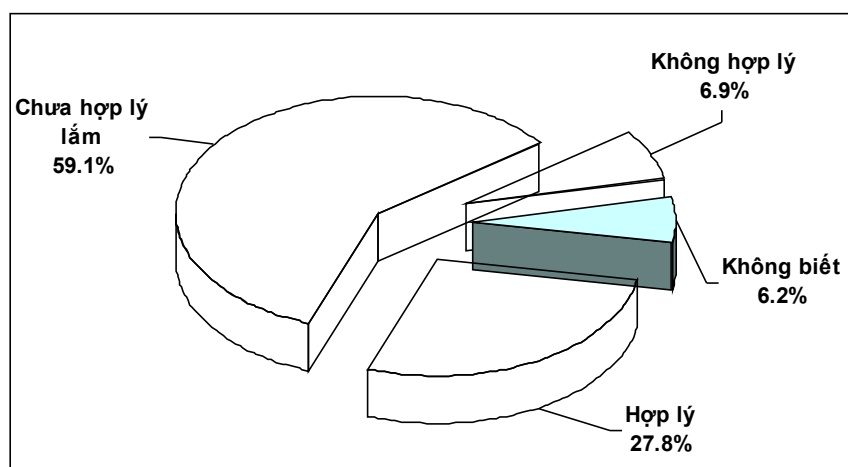
Biểu đồ 6: Nhận xét về thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân (Tỷ lệ %)



2.7. Phân bổ, bố trí vốn đầu tư cho các hạng mục cụ thể:

Có **27.8%** người được hỏi cho rằng việc thực hiện phân bổ, bố trí vốn đầu tư cho các hạng mục đầu tư công cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn như hiện nay là *hợp lý*. Tuy nhiên, cũng có tới **59.1%** người được hỏi lại cho rằng công tác này chưa được hợp lý lắm và **6.9%** cho rằng *không hợp lý* (Biểu đồ 7).

Biểu đồ 7: Nhận xét về việc phân bổ, bố trí vốn đầu tư cho các hạng mục cụ thể (Tỷ lệ %)

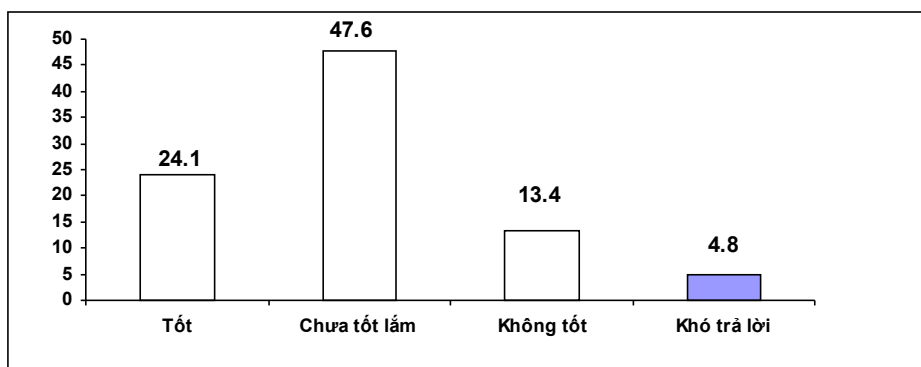


2.8. Về giám sát thực hiện đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân:

- Đối với cơ quan dân cử:

Biểu đồ 8 cho thấy, có **24.1%** số người được hỏi cho biết việc giám sát thực hiện đầu tư công của các cơ quan dân cử được thực hiện *tốt*, trong khi có tới **57.6%** số người được hỏi lại nhận xét việc giám sát của các cơ quan này *chưa tốt lắm* và **13.4%** số người được hỏi khẳng định công tác giám sát thực hiện đầu tư công của các cơ quan dân cử không được thực hiện tốt.

Biểu đồ 8: Nhận xét về công tác giám sát thực hiện đầu tư công của các cơ quan dân cử (Tỉ lệ %)

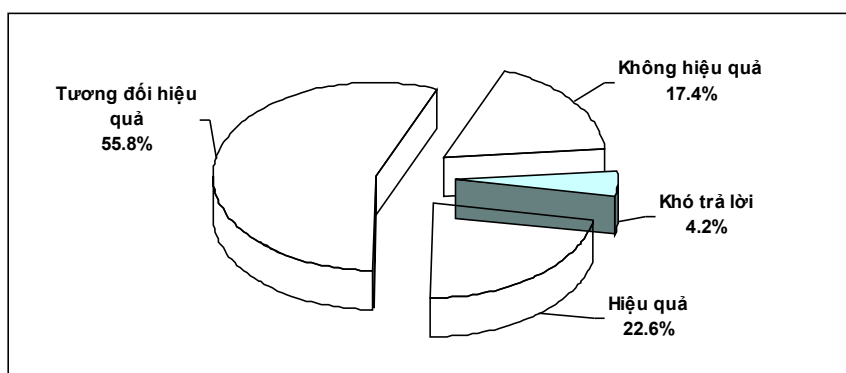


- Về sự tham gia của người dân vào trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư công:

Theo kết quả điều tra cho thấy, có **72,5%** số người được hỏi cho biết có sự tham gia giám sát, kiểm tra của người dân vào trong quá trình thực hiện các công trình hạ tầng cơ sở tại địa phương.

Tuy nhiên (Biểu đồ 9), chỉ có **22.6%** số người được hỏi cho rằng sự tham gia của người dân vào quá trình thực hiện các dự án đầu tư công ở mức *hiệu quả*. **55.8%** cho rằng sự tham gia này ở mức độ *tương đối hiệu quả* và **17.4%** số người được hỏi cho rằng công tác này *không hiệu quả*.

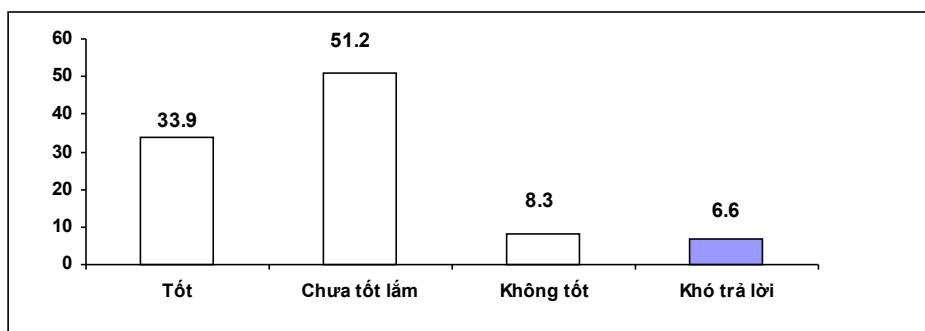
Biểu đồ 9: Nhận xét mức độ hiệu quả về sự tham gia của người dân vào trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư công (Tỉ lệ %)



2.9. Công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan chức năng:

Qua Biểu đồ 10 cho thấy, có **33.9%** số người được hỏi đánh giá hoạt động này được các cơ quan chức năng thực hiện *tốt*. Tuy nhiên, cũng có tới **51.2%** số người được hỏi nhận xét về công tác này *chưa tốt lắm* và **8.3%** số người được hỏi lựa chọn phương án *không tốt*.

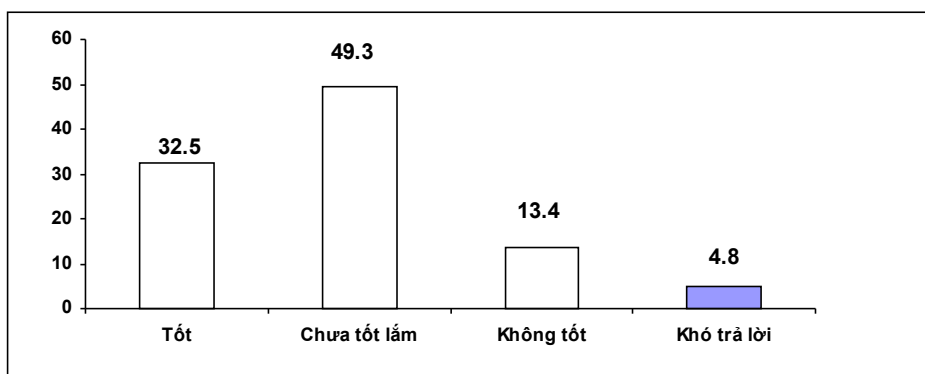
Biểu đồ 10: Nhận xét về công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan chức năng (Tỷ lệ %)



2.10. Xử lý vi phạm liên quan đến đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân:

Khi được hỏi về các hiện tượng tiêu cực bị phát hiện trong quá trình thực hiện các công trình hạ tầng cơ sở tại địa phương, kết quả điều tra cho thấy có: **25.9%** số người được hỏi cho biết là *có* các hiện tượng tiêu cực bị phát hiện. Tuy nhiên (*Biểu đồ 11*), việc xử lý vi phạm liên quan đến đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân thì chưa nhận được sự đồng tình cao từ phía những người được hỏi khi có **32.5%** số người được hỏi cho rằng các hiện tượng tiêu cực đã được xử lý *ng nghiêm túc, công khai*, và vẫn còn tới **49.3%** cho rằng việc xử lý tiêu cực *chưa nghiêm túc lắm* và **13.4%** số người được hỏi khẳng định việc xử lý vi phạm này *không nghiêm*.

Biểu đồ 11: Nhận xét về việc xử lý vi phạm liên quan đến đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân (Tỷ lệ %)



3. Kết quả thực hiện đầu tư công trên các lĩnh vực:

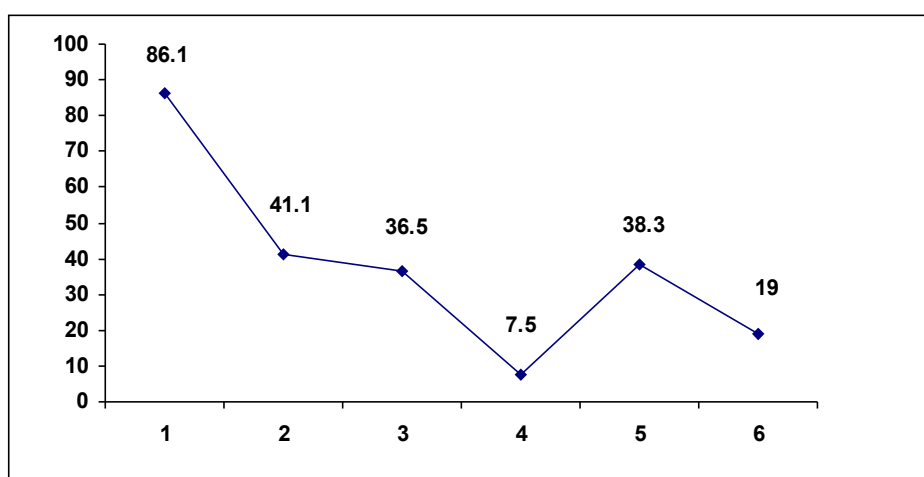
3.1. Tính công khai minh bạch trong việc thực hiện đầu tư công:

Công khai, minh bạch là một trong những yêu cầu bắt buộc của việc thực hiện đầu tư công cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Kết quả điều tra cho

thấy: có **64.4%** người dân được hỏi nói rằng họ *có được biết* các chương trình, dự án đầu tư cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn từ nguồn vốn ngân sách của Nhà nước cho địa phương mình.

Qua Biểu đồ 12 cho thấy, người dân biết về các chương trình, dự án đầu tư cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn chủ yếu qua 3 hình thức phổ biến lần lượt như sau: (1) Công bố tại các cuộc họp của địa phương (**86.1%**); (2) Niêm yết tại trụ sở làm việc tại địa phương (**41.4%**); (3) Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng của Trung ương và địa phương (**38.3%**). Hình thức ít được người dân biết nhất là thông qua việc phát hành ấn phẩm liên quan (**7.5%**).

Biểu đồ 12: Hình thức phổ biến thông tin về các chương trình, dự án đầu tư cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn (Tỉ lệ %)

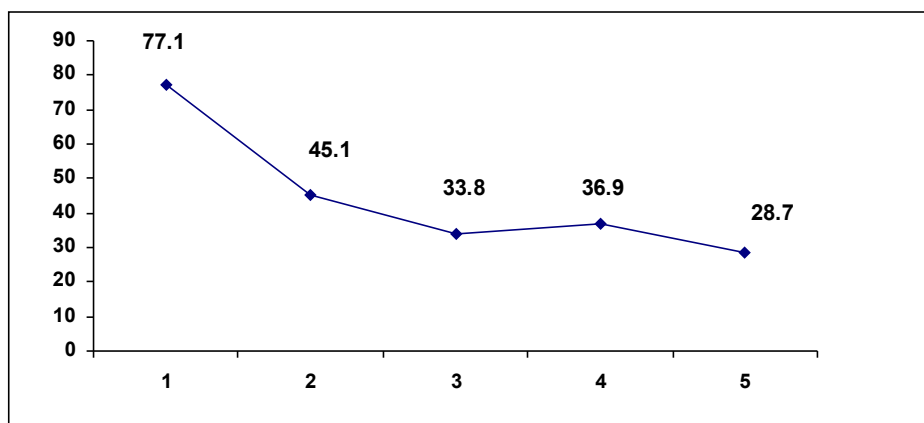


Ghi chú Biểu đồ 12:

1. Công bố tại các cuộc họp của địa phương
2. Niêm yết tại trụ sở làm việc tại địa phương
3. Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan
4. Phát hành ấn phẩm
5. Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng của Trung ương và địa phương
6. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân

Các nội dung được công bố công khai lần lượt chủ yếu là (*Biểu đồ 13*): (1) Kế hoạch dự án được đầu tư trên địa bàn (**77.1%**); (2) Phân bổ, quản lý, sử dụng vốn đầu tư (**45.1%**); (3) Số liệu kết quả chi tiêu hàng năm (**36.9%**); (4) Kết quả lựa chọn nhà thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (**33.8%**); (5) Số liệu quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (**28.7%**).

Biểu đồ 13: Nội dung thông tin về các chương trình, dự án đầu tư cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn (Tỉ lệ %)



Ghi chú Biểu đồ 13:

Công khai hoá kế hoạch dự án được đầu tư trên địa bàn

Công khai phân bổ, quản lý, sử dụng vốn đầu tư

Kết quả lựa chọn nhà thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

Công khai số liệu kết quả chỉ tiêu hàng năm

Số liệu quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

3.2. Về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội nông nghiệp, nông thôn:

3.2.1. Về tiến độ thực hiện các dự án, công trình đầu tư:

Bảng 4: Nhận xét về tiến độ thực hiện các dự án, công trình đầu tư công (tỉ lệ %)

Lĩnh vực	Đúng hoặc vượt tiến độ	Chậm tiến độ	Không biết
1. Thủy lợi	38.7	56.3	4.9
2. Đường giao thông	30.4	67.1	2.5
3. Lưới điện nông thôn	35.8	58.7	5.5
4. Trường học các cấp	61.0	34.5	4.5
5. Cơ sở vật chất về hoạt động văn hoá - thể thao.	21	66.3	12.7
6. Chợ	25.8	63.1	11.1
7. Trụ sở làm việc của các cơ quan chính quyền địa phương	66.4	29	4.6
8. Nước sạch	42.5	53.4	4.1
9. Bưu điện	57	32.3	10.7
10. Nhà ở nông thôn	41.2	47.1	11.6
11. Trạm y tế xã	58.7	34.3	6.9

Kết quả điều tra cho thấy, nhìn chung tiến độ thực hiện các công trình, dự án hạ tầng cơ sở được thực hiện từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân là *chậm tiến độ* so với kế hoạch đề ra (Bảng 4).

- Các hạng mục công trình được đánh giá được thực hiện đúng và vượt tiến độ nhiều nhất đó là: (1) Trụ sở làm việc của các cơ quan chính quyền địa phương (66.4% số người được hỏi lựa chọn); (2) Xây dựng trường học các cấp (**61.0%**); (3) xây dựng trạm y tế xã (**58.7%**) và (4) Bưu điện văn hóa (**57%**).

- Các hạng mục công trình được đánh giá là chậm tiến độ nhiều nhất đó là: (1) Đường giao thông nông thôn (**67.1%** số người được hỏi lựa chọn); (2) Cơ sở vật chất về hoạt động văn hoá - thể thao (**66.3%**) và (3) xây dựng chợ nông thôn (**63.1%**).

3.2.2. Về chất lượng công trình đầu tư:

Kết quả điều tra cho thấy chỉ có một số các công trình hạ tầng cơ sở được thực hiện từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân có chất lượng đáp ứng được yêu cầu của người dân (Bảng 5).

Bảng 5: Nhận xét về chất lượng các dự án, công trình đầu tư công (tỉ lệ %)

Lĩnh vực	Tốt	Chưa tốt lắm	Không tốt	Không biết
1. Thủy lợi	47.4	46.3	4.5	1.5
2. Đường giao thông	31.3	58.8	9.2	0.6
3. Lưới điện nông thôn	36.4	55.1	7.2	1.3
4. Trường học các cấp	60.9	36.2	1.4	1.5
5. Cơ sở vật chất về hoạt động văn hoá - thể thao.	19.0	57.1	20.3	3.6
6. Chợ	26.6	45.9	22.6	4.9
7. Trụ sở làm việc của các cơ quan chính quyền địa phương	64.3	30.8	1.8	3.0
8. Nước sạch	40.3	43.5	14.9	1.3
9. Bưu điện	55.3	33.4	7.5	3.7
Nhà ở nông thôn	34.5	50.5	9.8	5.1
11. Trạm y tế xã	52.5	38	4.1	5.4

- 5 hạng mục công trình được đánh giá có **chất lượng cao** nhất là: (1) Trụ sở làm việc của các cơ quan chính quyền địa phương (**64.3%** số người được hỏi đánh giá là chất lượng tốt); (2) trường học các cấp (**60.9%**); (3) Bưu điện văn hóa (**55.3%**); (4) Trạm y tế xã (**52.5%**) và (5) Công trình thủy lợi (**47.4%**).

- 5 hạng mục công trình bị đánh giá là có chất lượng **chưa tốt lắm và không tốt** nhiều nhất là: Cơ sở vật chất về hoạt động văn hoá - thể thao (**57.1%**

số người được hỏi đánh giá là chất lượng **chưa tốt lắm** và 20.3% là **không tốt**); tiếp đến là Chợ nông thôn (**45.9%** số người được hỏi đánh giá chưa tốt lắm và **22.6%** là không tốt); Đường giao thông nông thôn (**58.8%** là chưa tốt lắm và **9.2%** là không tốt); Lưới điện nông thôn (**55.1%** là chưa tốt lắm và **7.2%** là không tốt); Nhà ở nông thôn (**50.5%** là chưa tốt lắm và **9.8%** là không tốt); và Nước sạch (**43.5%** là chưa tốt lắm và **14.9%** là không tốt).

3.2.3. Về hiệu quả công trình đầu tư:

Kết quả điều tra cho thấy (Bảng 6), nhìn chung các hạng mục công trình, dự án đầu tư công đưa ra trong cuộc điều tra này đều được đánh giá về mức độ hiệu quả cũng như lợi ích mang lại cho cuộc sống của người dân địa phương ở mức tương đối cao.

Bảng 6: Đánh giá về hiệu quả phục vụ cho nông nghiệp, nông thôn của các dự án, công trình đầu tư công (tỉ lệ %)

Lĩnh vực	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Không hiệu quả	Khó trả lời
1. Thủy lợi	20.7	67.2	10.0	2.1
2. Đường giao thông	21.5	60.6	15.2	2.8
3. Lưới điện nông thôn	21.1	64.4	11.1	3.5
4. Trường học các cấp	32.2	61.9	4.2	1.7
5. Cơ sở vật chất về hoạt động văn hoá - thể thao.	8.5	57.7	23.9	9.9
6. Chợ	15.2	52.3	24.4	8.1
7. Trụ sở làm việc của các cơ quan chính quyền địa phương	36.8	55.1	4.9	3.2
8. Nước sạch	31.1	53.6	13.1	2.1
9. Bưu điện	26.2	56.5	14.7	2.8
10. Nhà ở nông thôn	23.7	53.4	15.2	7.8
11. Trạm y tế xã	31.0	56.1	9.4	3.5

- Các hạng mục đầu tư được đánh giá có hiệu quả nhất đó là: Trường học các cấp (với mức độ đánh giá rất hiệu quả là **32%** và hiệu quả là **61.9%**); Trụ sở làm việc của các cơ quan chính quyền địa phương (**36.8%** và **55.1%**); Trạm y tế xã (**31.6%** và **56.1%**) và Công trình thủy lợi (**20.7%** và **67.2%**).

- Các hạng mục đầu tư được đánh giá có hiệu quả thấp là: Chợ nông thôn (có **24.4%** số người được hỏi đánh giá không hiệu quả); Cơ sở vật chất về hoạt động văn hoá - thể thao (**23.9%**).

3.3. Về đầu tư cho phát triển sản xuất nông nghiệp:

- Nhận xét chung về một số lĩnh vực liên quan đến công tác quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn:

Theo đánh giá của những người được hỏi thì công tác quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn tại địa phương thời gian qua chưa tốt lắm (Bảng 7). Kết quả điều tra cho thấy, các nội dung được đánh giá ở mức tốt nhiều nhất là: Công tác quy hoạch đất sản xuất nông nghiệp (**44.5%**); tiếp đến là về phát triển cơ cấu cây trồng (Lúa, Hoa màu, Cây công nghiệp...)(**40.5%**).

Các nội dung, lĩnh vực khác được nhận xét ở mức *chưa tốt lắm* và *không tốt* có tỉ lệ % cao nhất đó là: Thị trường đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp (**57.8%** số người được hỏi đánh giá chất lượng *chưa tốt lắm* và **29.1%** *không tốt*; Việc huy động vốn đầu tư cho nông nghiệp nông thôn (**55.2%** là *chưa tốt lắm* và **13.5%** là *không tốt*).

Bảng 7: Nhận xét chung về một số lĩnh vực liên quan đến công tác quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn tại địa phương (tỉ lệ %)

	Tốt	Chưa tốt lắm	Không tốt	Khó trả lời
1. Công tác quy hoạch đất sản xuất nông nghiệp	44.5	47.5	5.5	2.5
2. Về phát triển cơ cấu cây trồng (Lúa, Hoa màu, Cây công nghiệp...)	40.5	52.3	4.4	2.8
3. Về Chăn nuôi gia súc, gia cầm	30.4	54.3	12.5	2.8
4. Thị trường đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp	8.8	57.8	29.1	4.4
5. Về khai thác, nuôi thủy, hải sản (nếu có)	18.0	48.7	13.8	19.5
6. Về Lâm nghiệp (nếu có).	16.9	44.5	9.8	28.9
7. Đầu tư cơ sở hạ tầng cho sản xuất nông nghiệp	23.8	58.0	12.1	6.1
8. Việc huy động vốn đầu tư cho nông nghiệp nông thôn	20.8	55.2	13.5	10.5

- Đánh giá mức độ hiệu quả của các chính sách hỗ trợ đầu tư của Nhà nước cho phát triển nông nghiệp, nông thôn:

Đối với những lĩnh vực được đưa ra trong cuộc điều tra, hầu hết những người được hỏi đều khẳng định có nhận được sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước với tỷ lệ % rất cao. Đặc biệt là các hỗ trợ về phòng, chống dịch bệnh cho vật nuôi, cây trồng (**91.4%** số người được hỏi khẳng định có nhận được sự đầu tư, hỗ trợ cho lĩnh vực này); tiếp đến là hỗ trợ về giống cây trồng (Lúa, Hoa màu, Cây công nghiệp...) (**89.6%**); Thuốc bảo vệ thực vật (**86.4%**).

Tuy nhiên, hiệu quả của các chính sách hỗ trợ đầu tư của Nhà nước cho phát triển nông nghiệp, nông thôn thì lại chưa được đánh giá cao (*Bảng 8*). Lĩnh vực được đánh giá hiệu quả cao nhất là Công tác phòng, chống dịch bệnh cho vật nuôi, cây trồng cũng chỉ có **42.2%** số người được hỏi đánh giá ở mức hiệu quả; hoặc là hỗ trợ, đầu tư về giống cây trồng (Lúa, Hoa màu, Cây công nghiệp...) cũng chỉ có **41.5%** số người được hỏi đánh giá hiệu quả. Các lĩnh vực còn lại trong cuộc điều tra hầu như có mức độ đánh giá hiệu quả còn thấp với tỉ lệ đều dưới 30%.. Lĩnh vực hỗ trợ, đầu tư của nhà nước có mức độ hiệu quả thấp nhất phải kể đến đó là: Phát triển nghề và làng nghề (**12.8%** số người được hỏi đánh giá hiệu quả); hỗ trợ máy móc, thiết bị cơ khí, phương tiện phục vụ sản xuất, chế biến nông nghiệp (**13.4%**) và Khai thác và nuôi trồng thủy sản, hải sản (**16.1%**).

Bảng 8: Đánh giá về hiệu quả của các chính sách hỗ trợ đầu tư của Nhà nước cho phát triển nông nghiệp, nông thôn (tỉ lệ %)

Nội dung	Hiệu quả	Chưa hiệu quả lắm	Không hiệu quả	Khó trả lời
1. Giống cây trồng (Lúa, Hoa màu, Cây công nghiệp...)	41.5	51.7	4.0	2.7
2. Công tác quy hoạch đất sản xuất nông nghiệp	23.5	61.2	13.8	1.4
3. Thuốc bảo vệ thực vật	25.2	62.9	7.9	4.0
4. Vật tư phân bón	26.0	61.3	7.8	4.8
5. Giống vật nuôi	27.1	57.4	11.2	4.4
6. Thức ăn cho gia súc gia cầm	28.5	53.5	13.1	5.0
7. Công tác phòng, chống dịch bệnh cho vật nuôi, cây trồng.	42.2	47.6	7.9	2.3
8. Máy móc, thiết bị cơ khí, phương tiện phục vụ sản xuất, chế biến nông nghiệp	13.4	5.7	12.3	7.3
9. Cơ cấu dịch vụ, chuyển đổi sản xuất nông nghiệp	19.2	66.0	8.8	6.0
10. Khai thác và nuôi trồng thủy sản, hải sản	16.1	56.4	18.3	9.2
11. Phát triển nghề và làng nghề	12.8	60.0	23.1	4.1
12. Nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cho nông nghiệp .	27.0	46.0	13.1	14.1

3.4. Về chính sách, chương trình đầu tư bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo; thực hiện các chính sách xã hội:

Theo kết quả điều tra, công tác đầu tư bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo; thực hiện các chính sách xã hội đạt được hiệu quả tương đối tốt và

dành được sự đồng tình cao của những người được hỏi (*Bảng 9*). Các nội dung được đánh giá cao và mang lại sự hài lòng cho người dân đó là: Miễn, giảm học phí cho con em hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số (**71.5%** số người được hỏi Hài lòng); tiếp đến là Hỗ trợ đối tượng chính sách, người có công, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (**70.6%**); Cho vay và hỗ trợ làm nhà ở cho người nghèo (**60.7%**) và Thực hiện hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho vay hộ nghèo (**59.1%**).

Các chính sách, chương trình hỗ trợ ít được người dân hài lòng hơn là: Hỗ trợ tổ chức đào tạo nghề cho lao động (**33.7%**); Hỗ trợ, cho vay xuất khẩu lao động (**34.7%**) và Hỗ trợ khám, chữa bệnh và cấp thẻ bảo hiểm y tế (**48.4%**).

Bảng 9. Đánh giá về chính sách, chương trình hỗ trợ bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo; thực hiện các chính sách xã hội

Chính sách	Hài lòng	Chưa hài lòng lắm	Không hài lòng	Khó trả lời
1. Thực hiện hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho vay hộ nghèo	59.1	36.4	3.6	0.9
2. Hỗ trợ khám, chữa bệnh và cấp thẻ bảo hiểm y tế	48.4	43.7	6.6	1.3
3. Miễn, giảm học phí cho con em hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số	71.5	22.5	3.1	2.9
4. Hỗ trợ tổ chức đào tạo nghề cho lao động	33.7	55.0	9.6	1.7
5. Cho vay và hỗ trợ làm nhà ở cho người nghèo	60.7	31.5	5.2	2.6
6. Hướng dẫn, hỗ trợ người nghèo, người dân tộc phát triển sản xuất	50.2	39.3	5.4	5.1
7. Hỗ trợ đối tượng chính sách, người có công, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	70.6	22.9	4.5	1.9
8. Hỗ trợ, cho vay xuất khẩu lao động	34.7	41.8	10.3	13.3

4. Một số kết luận:

Đây là cuộc điều tra được thực hiện tại các vùng, miền đại diện của cả nước nên kết quả điều tra đã phần nào phản ánh được dư luận chung của người dân về việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư công cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn ở nước ta trong thời gian vừa qua. Kết quả của cuộc điều tra cho thấy việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư công cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong thời gian qua đã tạo ra những tác động tích cực nhất định. Đa số người dân cho rằng các công trình dự án đầu tư công được đưa ra trong cuộc điều tra có mức độ hiệu quả, đưa lại những lợi ích cho cuộc sống của địa phương tương đối cao và dành được sự hài lòng của những người được hỏi. Trong số đó, có một số lĩnh vực được đánh giá cao như việc đầu tư xây dựng Trường học các cấp; Trụ sở làm việc của các cơ quan chính quyền địa phương; Trạm y tế xã và Công trình thủy lợi và công tác đầu tư bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo; thực hiện các chính sách xã hội.

Tuy nhiên, kết quả điều tra cũng cho thấy vẫn còn một số nội dung và lĩnh vực chưa mang lại hiệu quả, cũng như mong đợi của người dân trong cuộc sống như:

- Việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân chưa tốt lắm; Các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân vẫn còn rườm rà phức tạp;

- Việc huy động vốn đầu tư công chưa đạt được hiệu quả; Việc phân bổ, bố trí vốn đầu tư cho các hạng mục cụ thể còn chưa hợp lý;

- Việc giám sát thực hiện đầu tư công của các cơ quan dân cử chưa tốt lắm; Công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan chức năng cũng chưa được tốt lắm; Việc xử lý vi phạm liên quan đến đầu tư công cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân còn chưa nghiêm túc;

- Tiến độ thực hiện các công trình, dự án hạ tầng cơ sở được thực hiện từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân vẫn còn chậm tiến độ so với kế hoạch đề ra nhất là các công trình đường giao thông nông thôn, các cơ sở vật về hoạt động văn hóa – thể thao;

- Công tác quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn chưa tốt lắm. Bên cạnh đó, chất lượng một số công trình hạ tầng cơ sở được thực hiện từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân còn chưa đáp ứng được yêu cầu của người dân;

- Hiệu quả của một số chính sách hỗ trợ, đầu tư của Nhà nước cho phát triển nông nghiệp, nông thôn mang lại cho người dân không cao như: Phát triển nghề và làng nghề; hỗ trợ máy móc, thiết bị cơ khí, phương tiện phục vụ sản xuất, chế biến nông nghiệp; Khai thác và nuôi trồng thủy sản, hải sản.
